CTCP Chế tạo máy - Vinacomin (HNX: CTT)

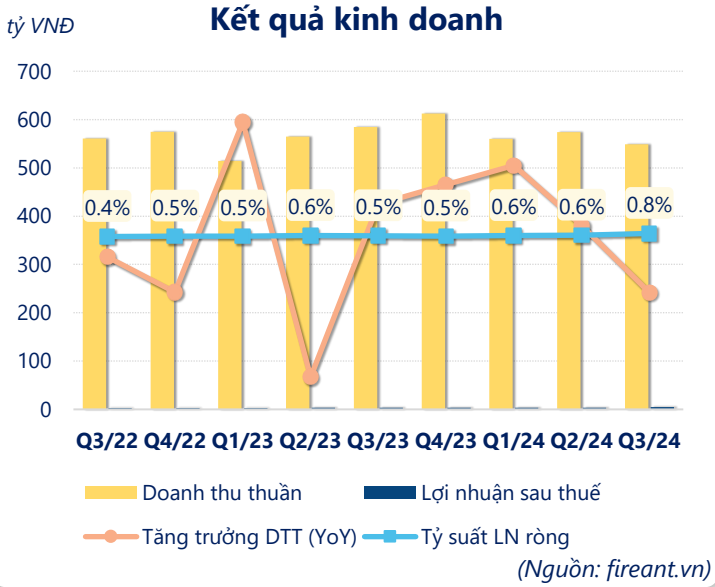
Ngày 30/09/2024	16,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.2%	**10.1%**	**0.4%**

ROE — Q3/24: **21.7%** | +/- YoY: ▲ 2.8%

	Q3/24	QoQ	YoY
DT thuần	549 tỷ VNĐ	▼ 25.0 ▼ 4.4%	▼ 36.0 ▼ 6.2%
LN gộp	31.5 tỷ VNĐ	▼ 16.5 ▼ 34.4%	▲ 4.80 ▲ 17.9%
LN thuần	6.64 tỷ VNĐ	▲ 2.56 ▲ 62.7%	▲ 2.73 ▲ 69.8%
LN sau thuế	4.43 tỷ VNĐ	▲ 0.99 ▲ 28.9%	▲ 1.31 ▲ 42.1%

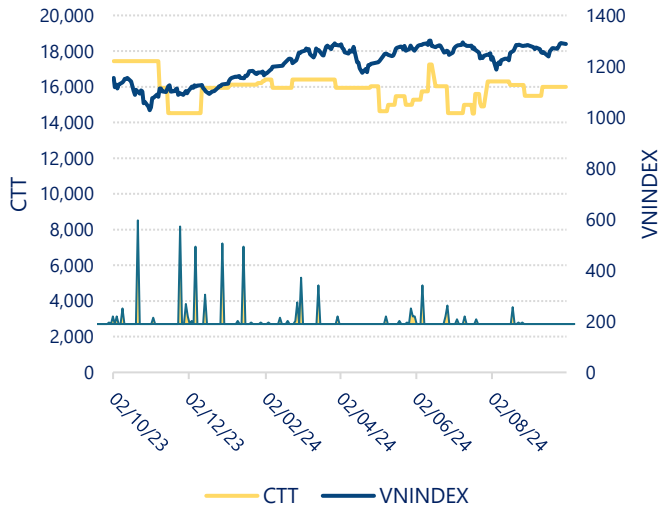
	9T 2024	YoY
DT thuần	1,683 tỷ VNĐ	▲ 19.0 ▲ 1.2%
LN gộp	104 tỷ VNĐ	▲ 26.4 ▲ 34.4%
LN thuần	14.6 tỷ VNĐ	▲ 3.70 ▲ 33.5%
LN sau thuế	11.0 tỷ VNĐ	▲ 2.14 ▲ 23.9%

Kết quả kinh doanh

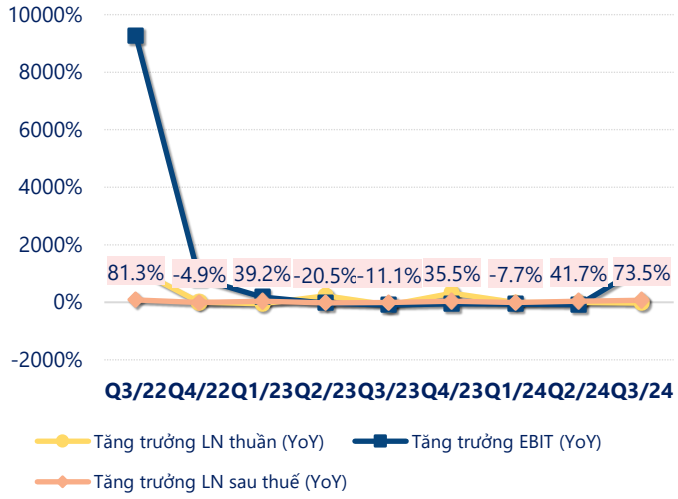


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

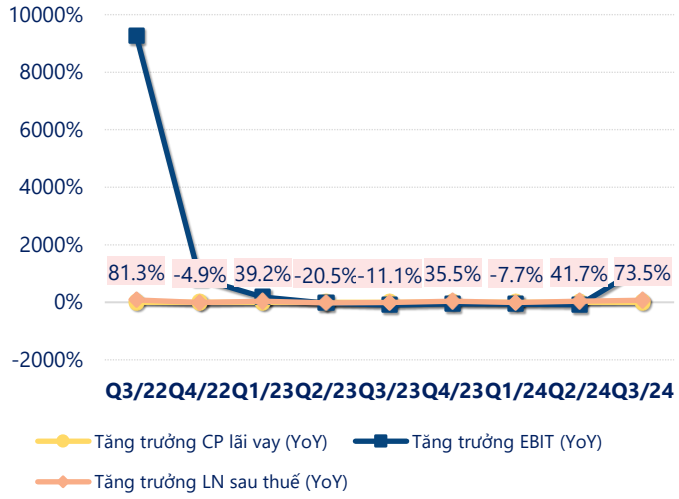


Tăng trưởng lợi nhuận



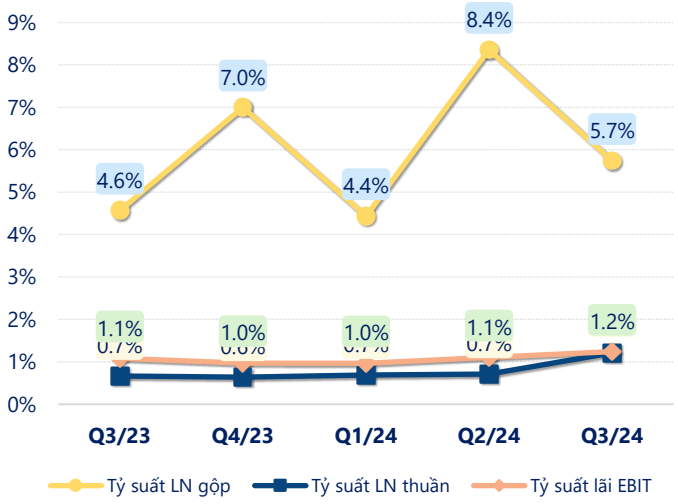
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



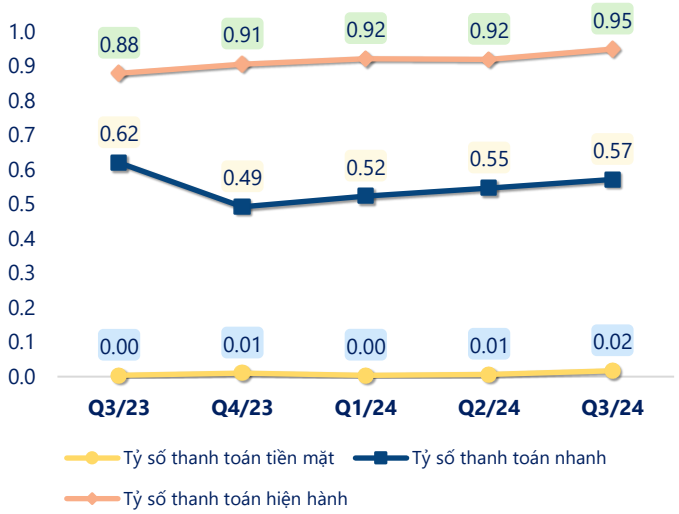
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



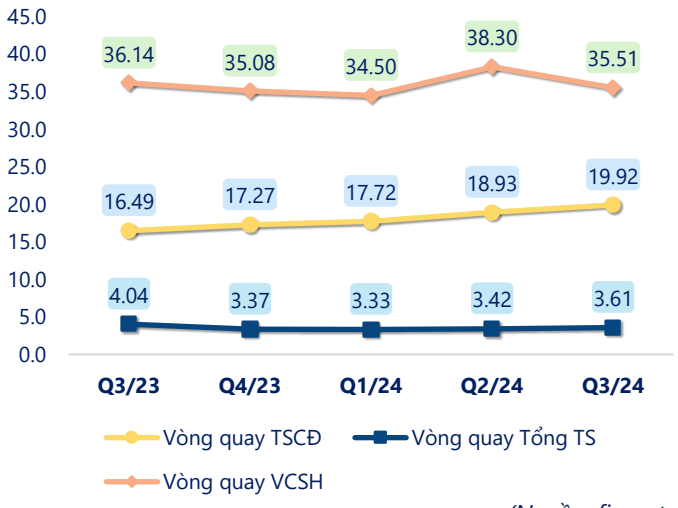
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



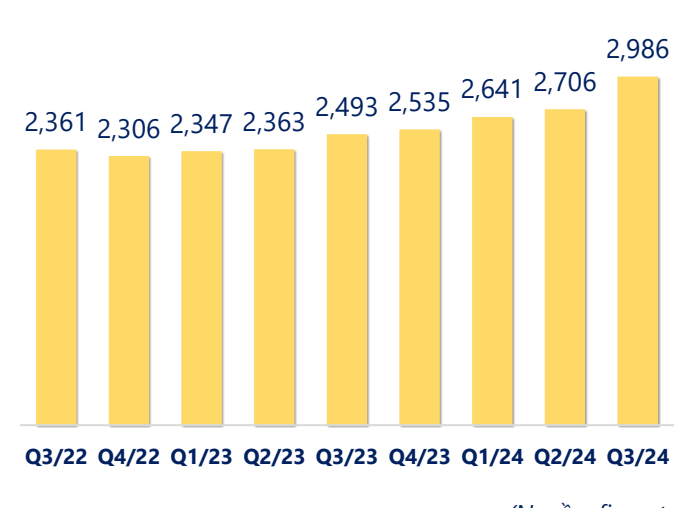
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

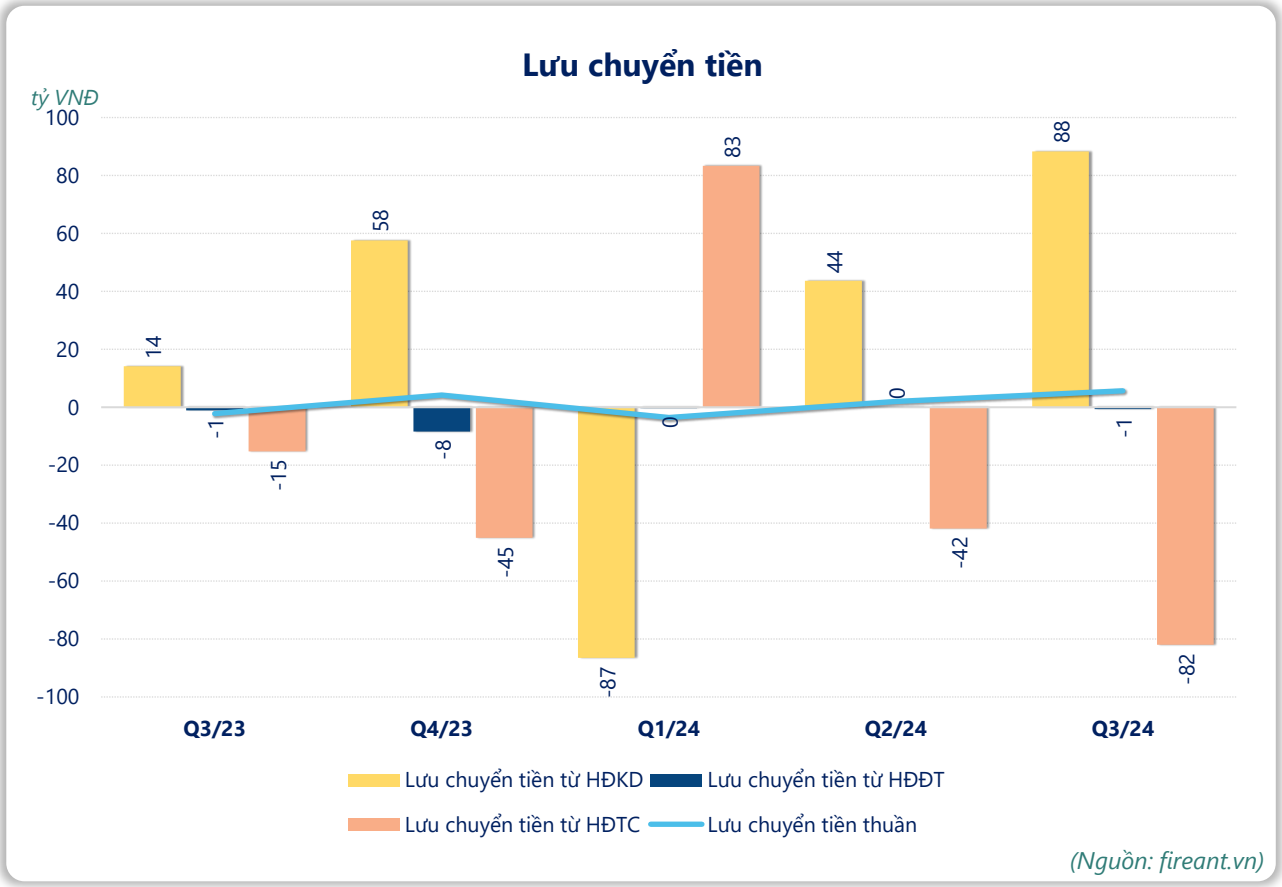
EPS



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**549**	**585**	**-6.2%**	**1,683**	**1,664**	**1.2%**
Giá vốn hàng bán	517	558	-7.3%	1,579	1,586	-0.5%
Lợi nhuận gộp	31.5	26.7	17.9%	104	77.6	34.4%
Doanh thu HĐTC	-0.17	0.12	-245%	0.07	0.13	-45.9%
Chi phí TC	1.02	2.42	-58.0%	4.57	11.1	-58.9%
Chi phí lãi vay	1.02	2.42	-58.0%	4.57	11.1	-58.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	3.80	2.84	33.9%	28.6	5.52	419%
Chi phí QLDN	**19.9**	**17.7**	**12.2%**	**56.6**	**50.2**	**12.9%**
LN thuần từ HĐKD	6.64	3.91	69.8%	14.6	10.9	33.5%
Lợi nhuận khác	**-0.85**	**-0.02**	**-4171%**	**-0.62**	**0.16**	**-481%**
LN trước thuế	5.79	3.90	48.3%	14.0	11.1	26.0%
Lợi nhuận sau thuế	**4.43**	**3.12**	**42.1%**	**11.0**	**8.86**	**23.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**4.43**	**3.12**	**42.1%**	**11.0**	**8.86**	**23.9%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)